

Số: /BC-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

**Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ từ đầu năm 2026 đến nay,
phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới**

Thực hiện Công văn số 3256/VPCP-TH ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phục vụ chương trình làm việc của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (UBND tỉnh) báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ từ đầu năm 2026 đến nay, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 08/01/2026 CỦA CHÍNH PHỦ

- UBND tỉnh đã tổ chức đánh giá tình hình thực hiện năm 2025; đồng thời xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 99/NQ-HĐND và Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 09/12/2025, làm cơ sở triển khai nhiệm vụ ngay từ đầu năm 2026.

- Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động tại Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 để cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026. Công tác theo dõi, đánh giá việc thực hiện được duy trì định kỳ hằng tháng, gắn với đánh giá tình hình kinh tế - xã hội và được thảo luận tại Phiên họp UBND tỉnh thường kỳ.

- UBND tỉnh cũng đã ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2026 tại Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh, để bám sát và triển khai nhiệm vụ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP.

- Những việc đã triển khai ngay trong năm 2026:

+ Tại Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh về kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026: UBND tỉnh đã đề ra **151** nhiệm vụ cụ thể theo từng tháng (Kế hoạch, Chương trình, văn bản chỉ đạo); đến nay đã hoàn thành **62** nhiệm vụ.

+ Tại Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh về kinh tế - xã hội 5 năm (2026 - 2030): UBND tỉnh đã đề ra **61** nhiệm vụ cụ thể (Đề án, Chương trình, Kế hoạch); đến nay, đã hoàn thành **16** nhiệm vụ.

+ UBND tỉnh đã có chủ trương, giao Văn phòng UBND tỉnh tham mưu, ban

hành mới Quy chế làm việc của UBND tỉnh, sẽ ban hành trong tháng 5/2026 (Công văn số 993/UBND-TH ngày 30/3/2026).

+ Về công tác thống kê: Để bảo đảm cơ sở thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình hành động một cách khoa học, bám sát thực tiễn, UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức điều tra, tính toán các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cấp xã, phường (theo Công văn số 1945/UBND-TH ngày 28/11/2025), hiện nay, Thống kê tỉnh hoàn chỉnh Phương án điều tra tổng giá trị sản phẩm cấp xã, phường. Đồng thời, UBND tỉnh tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác thống kê trên địa bàn; giao Sở Tài chính phối hợp với Thống kê tỉnh, Sở Nội vụ rà soát, đánh giá nguồn lực thực hiện công tác thống kê, nhất là đội ngũ nhân sự thống kê dữ liệu đầu vào tính toán tăng trưởng kinh tế, trên cơ sở đề xuất giải pháp củng cố.

- Về phát động phong trào thi đua:

+ UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 08/3/2026 về phát động phong trào thi đua thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế đến năm 2030 đạt hai con số; đồng thời, ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 29/01/2026 phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2026.

+ UBND tỉnh cũng đã tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch phát động phong trào thi đua và Lễ ký kết giao ước thi đua thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 vào ngày 07/4/2026. Tại Hội nghị, Thủ trưởng 15 sở, ngành tỉnh đã ký cam kết với UBND tỉnh hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế (GRDP) theo từng quý.

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao trên Hệ thống thông tin theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ:

+ Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến ngày 21/4/2026: UBND tỉnh nhận được **84** nhiệm vụ giao (trong đó: có 37 nhiệm vụ giao có thời hạn hoàn thành).

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành: **19** nhiệm vụ (trong đó: có 12 nhiệm vụ xử lý trong hạn, 07 nhiệm vụ đã thực hiện và chờ xác nhận, 00 nhiệm vụ quá hạn).

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện: **65** nhiệm vụ (trong đó: có 65 nhiệm vụ trong hạn và 0 nhiệm vụ quá hạn).

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾT LUẬN SỐ 18-KL/TW CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 2

1. Tình hình triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

a) Về triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

- Thực hiện Công văn số 265-CV/TU ngày 13/02/2026 của Tỉnh ủy về việc tham mưu xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Công văn số 1232-CV/ĐU ngày 23/02/2026 Ban Thường vụ Đảng ủy

UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh mưu thực hiện; UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn bám sát các đột phá chiến lược (03 đột phá) của Trung ương gắn với các khâu đột phá của tỉnh; cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ở lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội, công tác đối ngoại trong Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

- Ngày 17/3/2026, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 22-CT/TU thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Thực hiện Chương trình số 22-CTr/TU của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 116/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 09/12/2026 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2026 - 2030), UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 (đây là Chương trình tích hợp thay cho các Chương trình được UBND tỉnh ban hành trước đây)⁽¹⁾.

Chương trình hành động của tỉnh đề ra **28** chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội, tổ chức thực hiện các đột phá chiến lược của tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với 03 đột phá chiến lược của Trung ương (*thể chế; nguồn nhân lực; khoa học và công nghệ*); cùng với **07** nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương bám sát các chỉ tiêu kinh tế - xã hội phân bổ cho giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện đạt theo lộ trình đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm 2026 - 2030 đạt từ **9%/năm** trở lên, đến năm 2030 tăng trưởng từ **10%** trở lên. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các xã, phường rà soát, cụ thể hóa Chương trình hành động thành kế hoạch hằng năm, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình và trách nhiệm thực hiện; tăng cường phối hợp với các cơ quan Trung ương và các tổ chức chính trị - xã hội trong triển khai; thường xuyên theo dõi, đánh giá, kịp thời đề xuất điều chỉnh, bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao.

b) Về chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 từ 10% trở lên theo Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIV của Đảng:

- Thực hiện Kết luận số 203-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà cho tăng trưởng bền vững ở mức hai con số trong giai đoạn tới; UBND tỉnh tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh, trình Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 30/12/2025 về lãnh đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “hai con số” giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững đến năm 2045. UBND tỉnh cũng đã ban hành Chương

⁽¹⁾ Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 16/3/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chương trình hành động số 03-CTr/TU của Tỉnh ủy và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030; Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 16/3/2026 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chương trình hành động số 14-CTr/TU của Tỉnh ủy về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “hai con số”.

trình hành động tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 16/3/2026 (đến nay đã tích hợp vào Chương trình hành động tại Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026). Theo đó, Chương trình hành động xác định mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân từ 9%/năm trở lên, đến năm 2030 đạt khoảng 10% (cao hơn mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh²), bám sát định hướng tăng trưởng bình quân 10% của cả nước, bảo đảm vừa có tính phấn đấu, vừa phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh (hiện đang có cơ cấu nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn). Quá trình tổ chức thực hiện, UBND tỉnh tiếp tục rà soát, đánh giá kỹ lưỡng các mục tiêu tăng trưởng trong các khu vực, các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chiến lược để bảo đảm tính khả thi trong thực hiện các mục tiêu đề ra, kịp thời điều chỉnh phù hợp với bối cảnh.

- Ngày 22/3/2026, UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban⁽³⁾; đồng thời, ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên nhằm tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện. Ban Chỉ đạo đã tổ chức Phiên họp thứ nhất vào ngày 24/3/2026.

- Nhằm phát huy kết quả thực hiện các Nghị quyết trụ cột, đột phá, trong đóng góp cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế “hai con số”, UBND tỉnh tổ chức rà soát các chương trình, kế hoạch của tỉnh thực hiện các Nghị quyết trụ cột, đột phá của Bộ Chính trị và đối chiếu với định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, bảo đảm tính đồng bộ trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đạt mục tiêu đề ra⁴. Đồng thời, rà soát, kiện toàn hoặc thành lập mới các Ban Chỉ đạo, hoàn thiện Quy chế hoạt động của các Ban Chỉ đạo⁵ để chỉ đạo thực hiện hiệu quả các Nghị quyết trụ cột, đột phá của Bộ Chính trị trong nhiệm kỳ mới⁶.

Theo đó, UBND tỉnh đã thành lập các Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện các nghị quyết trụ cột, nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị (Nghị quyết số 57, 59, 66, 68, 70, 71, 72, 79, 80), do các đồng chí Thường trực UBND tỉnh làm Trưởng ban, nhằm tập trung chỉ đạo, điều phối, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; bảo đảm

² Trước đây, Đảng ủy UBND tỉnh đã lãnh đạo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030, xác định mục tiêu tăng trưởng bình quân khoảng 9%/năm, phấn đấu đến năm 2030 đạt khoảng 10%. Đồng thời, tỉnh chú trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng, đặt mục tiêu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, qua đó bảo đảm phát triển nhanh, bền vững.

³ Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 22/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

⁴ Tại Thông báo 1567/TB-VPUBND ngày 10/02/2026 của Văn phòng UBND tỉnh.

⁵ Tại Thông báo số 1988/TB-VPUBND ngày 27/02/2026 của Văn phòng UBND tỉnh.

⁶ Hiện nay, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo Hội nhập quốc tế tỉnh Đồng Tháp; Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tư nhân; Ban Chỉ đạo Ban Chỉ đạo đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Đồng Tháp; đã chỉ đạo tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện: Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030; Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế nhà nước.

các nhiệm vụ, giải pháp được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

c) Xây dựng kịch bản tăng trưởng, điều kiện để đạt tốc độ tăng trưởng tỉnh Đồng Tháp từ 9% trở lên, đến năm 2030 đạt 10%

Để đạt mức tăng trưởng này, UBND tỉnh xác định khai thác tiềm năng hiện có, tập trung kích thích tăng trưởng khu vực 2 và khu vực 3; tạo được bứt phá trong các ngành hàng còn dư địa, nhất là sản xuất đáp ứng thị trường xuất khẩu, tiêu dùng nội địa dựa trên hệ thống nhà máy đã vận hành thông suốt, đang mở rộng thị trường và sự đóng góp của các nhà máy mới. Kịch bản tăng trưởng GRDP của tỉnh được xây dựng theo lộ trình tăng dần, phân đầu đạt mức tăng trưởng hai con số vào cuối giai đoạn, cụ thể như sau:

- Tốc độ tăng trưởng các khu vực kinh tế: Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng **3,5%/năm**; Khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng **14,8%/năm**; Khu vực Thương mại - Dịch vụ tăng **8,9%/năm**.

- Mục tiêu tăng trưởng kinh tế hằng năm: năm 2026 là **8 - 8,5%**; năm 2027 từ **8,5%** trở lên; năm 2028 khoảng **8,98%**; năm 2029 khoảng **9,2%**; năm 2030 khoảng **10,2%**.

- Mục tiêu khác: Quy mô GRDP của tỉnh đến năm 2030 dự kiến đạt **536.491** tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt **150 - 154** triệu đồng/người; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến **702.668** tỷ đồng, tương đương **33%** GRDP; tốc độ tăng thu ngân sách bình quân **10%/năm**; quy mô kinh tế số đạt tối thiểu **30%** GRDP; Năng suất lao động xã hội tăng khoảng **8%/năm**.

Trên cơ sở mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2026 - 2030, hằng năm phân kỳ triển khai thực hiện bằng kịch bản tăng trưởng theo từng quý để phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh và giao Sở, ban, ngành tỉnh xây dựng, ban hành kế hoạch tăng trưởng cụ thể của từng khu vực kinh tế, từng ngành.

- Tập trung triển khai nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện **05 đột phá chiến lược** của tỉnh về công nghiệp, giao thông, nông nghiệp, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhân lực gắn với các đột phá chiến lược của Trung ương về thể chế, khoa học và công nghệ, hạ tầng. Trong đó, tập trung khai thác các động lực mới cho tăng trưởng kinh tế là: phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế tư nhân, thu hút đầu tư nước ngoài.

- Tháo gỡ điểm nghẽn, xử lý ngay các dự án, công việc đang tồn đọng, đẩy mạnh phòng, chống lãng phí, giải phóng các nguồn lực đang bị tồn đọng, lãng phí vào phục vụ tăng trưởng kinh tế.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, bình đẳng; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Phân đầu thành lập mới khoảng **22.500** doanh nghiệp trong giai đoạn 2026 - 2030, đây là chỉ tiêu đột phá của tỉnh; giải ngân phân đầu đạt **100%**; xuất khẩu tăng dần, đến năm 2030 đạt **14,8** tỷ USD; thu hút **280** dự án đầu tư, trong đó **87** dự án FDI.

- Tỉnh tập trung hoàn thành quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Khai thác không gian tăng trưởng mới từ các hành lang kinh tế và

các địa phương; nâng cao hiệu quả đầu tư, năng suất lao động; nâng cao hiệu quả kết hợp giữa việc thúc đẩy tăng trưởng nhanh với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

- Về tổ chức thực hiện:

+ Chương trình hành động giao Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện, theo dõi, báo cáo đối với các nhóm nhiệm vụ và giải pháp, đặc biệt là đối với **28** chỉ tiêu chủ yếu và **34** nhóm chỉ tiêu chủ yếu thuộc 08 lĩnh vực trọng tâm (*các khu vực kinh tế; tài chính - tín dụng; đầu tư - xây dựng; phát triển doanh nghiệp; sản xuất nông - lâm nghiệp thủy sản; sản xuất công nghiệp; thương mại và dịch vụ; lao động - giảm nghèo*); **16** kế hoạch, đề án trọng tâm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế với lộ trình và hoạt động cụ thể; **67** công trình, dự án ưu tiên.

+ Trong quý II/2026, tổ chức các Hội nghị triển khai theo từng nhóm đối tượng trong các khu vực kinh tế (*mời các chủ thể sản xuất, kinh doanh trong chuỗi giá trị để kịp thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh*), giúp triển khai nhanh chóng các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đến các tổ chức, cá nhân có vai trò quan trọng và trực tiếp thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong từng khu vực, ngành, lĩnh vực kinh tế.

+ Hàng năm thực hiện đánh giá, sơ kết, tổng kết giữa kỳ, để kịp thời điều chỉnh giải pháp bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

2. Tình hình triển khai Kết luận số 18-KL/TW của Hội nghị Trung ương 2

- Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW, Bí thư Tỉnh ủy đã có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 364-CV/TU ngày 07/4/2026, giao Bí thư Đảng ủy UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì chuẩn bị nội dung, tổ chức triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Trung ương Đảng trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện chỉ đạo trên, ngày 10/4/2026, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1034/UBND-TH về việc cụ thể hóa, triển khai Kết luận số 18-KL/TW. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh phân công Thường trực UBND tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh chủ trì, phối hợp tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh thực hiện Kết luận. Nội dung chương trình hành động tập trung vào 04 nhóm nhiệm vụ: (1) Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030; (2) Tài chính; (3) Đầu tư công trung hạn; (4) Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng “02 con số” (theo Phụ lục 3 Kết luận số 18-KL/TW). Hiện UBND tỉnh đang tập trung tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Chương trình hành động để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy vào cuối tháng 4/2026, bảo đảm các nhiệm vụ được xác định rõ về nguồn lực, tiến độ và trách nhiệm thực hiện.

Chủ tịch UBND tỉnh giao đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh căn cứ lĩnh vực phụ trách đã trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành triển khai thực hiện xuyên suốt, quyết liệt các nhiệm vụ nêu trên.

- Thực hiện Công văn số 387/TTg-KTTH ngày 09/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ về cập nhật bổ sung chương trình hành

động của CP thực hiện NQ ĐHĐB toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và kết luận số 18-KL/TW của trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay trả nợ công đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng 2 con số, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tại Công văn số 1038/UBND-TH ngày 13/04/2026 giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan thực hiện và đã hoàn tất công tác cập nhật, bổ sung (*Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 22/4/2026*).

Song song đó, UBND tỉnh yêu cầu Sở, ban, ngành tỉnh tiếp tục rà soát bổ sung và giao mục tiêu tăng trưởng trên từng lĩnh vực như: Đầu tư, tăng trưởng các ngành và chuyển đổi số, đổi mới công nghệ; hoàn thành việc phân bổ vốn cho các dự án theo kết quả đầu ra, gắn với hoạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư theo quy định; lập điều chỉnh phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch bảo đảm đồng bộ, thống nhất yêu cầu tăng trưởng “02 con số”; xử lý các dự án chậm triển khai hoặc sử dụng đất kém hiệu quả, xử lý đất bỏ hoang, thu hồi các dự án không triển khai theo cam kết; xử lý các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tồn đọng, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, các bản án và các vi phạm pháp luật về đất đai xảy ra trước năm 2024 khi luật đất đai có hiệu lực.

III. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 4, 4 THÁNG NĂM 2026

1. Về tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý I năm 2026 ước đạt **76.120** tỷ đồng (*theo giá hiện hành*) và ước đạt **62.901** tỷ đồng (*theo giá so sánh năm 2020*), tăng **6,14%** (*quý I năm 2025 tăng 6,61%*). Trong đó, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản tăng **3,47%**, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng **7,89%**, khu vực dịch vụ tăng **7,57%** và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng **7,73%** so cùng kỳ.

Trong **6,14%** tăng trưởng, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản đóng góp **1,28%**, khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp **1,92%**, khu vực dịch vụ đóng góp **2,46%** và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đóng góp **0,48%**.

- *Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản*: tăng **3,47%** (*quý I năm 2025 tăng 3,21%*), trong đó nông nghiệp tăng **3,69%**. Tình hình sản xuất nông nghiệp thuận lợi, không chịu tác động nhiều của hạn mặn. Lúa vụ Đông Xuân đã thu hoạch hơn 58% diện tích gieo trồng, sản lượng đạt hơn **933 nghìn tấn**, năng suất đạt **7,25 tấn/ha** (tăng 0,8% so cùng kỳ). Trên địa bàn tỉnh đã hình thành nhiều vùng chuyên canh, nông dân đã chuyển đổi giống, mô hình canh tác xen canh, gối vụ với nhiều loại rau, củ, quả có giá trị kinh tế cao, dễ tiêu thụ; ứng dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất tiết kiệm chi phí, tăng năng suất, chuyển đổi diện tích đất lúa, đất màu kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao hơn. Tuy nhiên trong quý một số sản phẩm chủ lực của tỉnh như: lúa, sầu riêng, mít, thanh long... có giá bán thấp so cùng kỳ, cùng với tác động tăng giá xăng, dầu ảnh hưởng đến thu nhập của người dân.

Ngành chăn nuôi tiếp tục duy trì sự ổn định và có nhiều yếu tố thuận lợi. Giá cả các sản phẩm chăn nuôi cơ bản ổn định; dịch bệnh được kiểm soát tốt.

Ngoài ra, việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, mô hình chăn nuôi an toàn sinh học và sử dụng giống năng suất cao ngày càng phổ biến, giúp cải thiện hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm ngày càng nâng cao.

Ngành thủy sản tăng trưởng **2,0%** so cùng kỳ, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản đều tăng. Giá cả ổn định, nên ngư dân đã tập trung đầu tư cho nuôi trồng và khai thác; nhu cầu tiêu thụ thủy sản của thị trường trong nước và phục vụ cho xuất khẩu tăng, kích thích ngư dân đầu tư cho sản xuất. Mặt khác, thời tiết thuận lợi, thủy sản bệnh ít, năng suất cao, sản lượng nuôi trồng tăng; tuy nhiên ở thời điểm tháng 03 giá xăng dầu tăng, tàu năm bờ có tăng so cùng kỳ. Tổng sản lượng thủy sản trong quý I đạt hơn **223 nghìn tấn**.

- **Khu vực công nghiệp - xây dựng:** tăng trưởng **7,89%** (quý I năm 2025 tăng 11,1%).

+ **Ngành công nghiệp** tăng trưởng **8,14%** (quý I năm 2025 tăng 11,43%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng **11,51%**. Một số ngành có chỉ số sản xuất **tăng cao** như: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 15,3%, sản xuất đồ uống tăng 32,4%, dệt tăng 10,13%, sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 44,25%... Bên cạnh đó cũng có một số ngành có tỷ trọng lớn khó khăn về thị trường tiêu thụ, đơn hàng giảm so cùng kỳ như: Sản xuất trang phục giảm 3,33% (chiếm tỷ trọng 10,03% ngành công nghiệp chế biến chế tạo); sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 7,01% (chiếm tỷ trọng 10,38%); chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện giảm 44,67%; sản xuất hoá chất và các sản phẩm từ hoá chất giảm 13,09%.

+ **Theo mặt hàng, có 60/112 sản phẩm tăng so cùng kỳ:** Phi lê đông lạnh tăng 20,7%; bột mịn, bột thô và bột viên từ cá tăng 33,9%; quả và hạt ướp lạnh tăng 26,5%; thức ăn cho gia súc tăng 14,3%; thức ăn cho gia cầm tăng 56,6%; thức ăn cho thủy sản tăng 10,5%; bia đóng lon tăng 19%; bao và túi từ plastic khác tăng 54,9% thùng chứa, bể và các loại tự ng tự ung tích trên 300 lít bằng plastic tăng 92,5%; bê tông trộn sẵn tăng 4,4%; ống và ống dẫn bằng đồng tăng 23,6%; bóng thể thao khác tăng 24,3%; điện gió tăng 2,7%; điện mặt trời tăng 24,4%... **Có 50/112 sản phẩm giảm so cùng kỳ:** Cát đen giảm 57,6%; gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ giảm 1,0%; miến, hủ tiếu, bánh đa khô và các loại tương tự giảm 3,8%; bia đóng chai giảm 20,0%; thuốc lá có đầu lọc giảm 42,5%; áo quần các loại giảm 5,4%; túi xách giảm 28,4%; giày ép và các bộ phận giày dép giảm 11%...

+ **Ngành xây dựng** tăng trưởng **6,18%** (quý I năm 2025 tăng 8,87%). Trong lĩnh vực đầu tư công, trong quý chủ yếu thực hiện các công trình chuyển tiếp từ năm 2025 chuyển sang; các chủ đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm, đồng thời phối hợp với các địa phương đẩy mạnh đầu tư hạ tầng bệnh viện, trường học, giao thông nông thôn, chỉnh trang đô thị. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại các khó khăn mang tính đặc thù như biến động giá vật liệu xây dựng, thiếu nguồn cung cát, đá, vướng mắc giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả đầu tư.

- **Khu vực dịch vụ:** tăng trưởng **7,57%** (quý I năm 2025 tăng 7,58%). Hầu hết các ngành trong khu vực này đều tăng như: Ngành thương mại ước tăng 7,0%;

ngành vận tải, kho bãi tăng 12,22%; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,39%; ngành thông tin và truyền thông tăng 6,57%; ngành nghệ thuật vui chơi giải trí tăng 6,01%; ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 4,19%; ngành kinh doanh bất động sản tăng 4,83%.

2. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm khác

- **Phát triển doanh nghiệp:** Lũy kế 4 tháng đầu năm 2026 có **1.413** doanh nghiệp thành lập mới, tăng 124% so với cùng kỳ năm 2025, đạt 47% so kế hoạch⁷; với tổng vốn đăng ký là **6.200** tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2025; đồng thời, có **224** doanh nghiệp hoạt động trở lại, bằng 98,3% so với cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, có **174** doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 64% so với cùng kỳ năm 2025; **500** doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2025. Tính đến ngày cuối tháng 4/2026, toàn tỉnh có **14.140** doanh nghiệp đang hoạt động.

- **Kim ngạch xuất khẩu** đến cuối tháng 3 đạt **2,25** tỷ USD, đạt 22,5% kế hoạch và tăng 11,9% so cùng kỳ. Kim ngạch nhập khẩu đạt **1,4** triệu USD, đạt 28% kế hoạch và tăng 0,9% so với cùng kỳ.

- **Thu ngân sách nhà nước** bảo đảm tiên độ, trong đó thu nội địa chiếm tỷ trọng chủ yếu và tăng so với cùng kỳ. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (lũy kế đến ngày 15/4/2026) đạt **8.362** tỷ đồng, đạt **35,17%** so với dự toán năm, tăng 3,4% so với cùng kỳ; trong đó thu nội địa là 8.042 tỷ đồng, đạt 34,63% so với dự toán năm, tăng 2,7% so với cùng kỳ. Tổng chi ngân sách nhà nước (lũy kế đến ngày 15/4/2026) là **11.900** tỷ đồng, đạt 29,65% so với dự toán năm, bằng 95,83% so với cùng kỳ; trong đó, tổng chi cân đối ngân sách địa phương là 7.216 tỷ đồng, đạt 20,07% so với dự toán năm, bằng 70,78% so với cùng kỳ.

- **Về tín dụng:** Ước tính đến cuối tháng 4/2026, vốn huy động đạt **213.227** tỷ đồng, tăng 2,42% so với cuối năm 2025; tổng dư nợ cho vay thực hiện là **248.263** tỷ đồng, tăng 1,99% so với cuối năm 2025.

- **Thu hút đầu tư tư nhân:** Lũy kế từ đầu năm đến nay, tỉnh thu hút **05** dự án đầu tư mới, trong đó có **02** dự án có vốn đầu tư nước ngoài; **03** dự án có vốn đầu tư trong nước; ghi nhận vốn đầu tư 01 dự án của nhà đầu tư trong nước (KCN Mỹ Tho), với tổng vốn đăng ký đạt 2.924,26 tỷ đồng; giảm về số lượng dự án (giảm 07 dự án) nhưng tăng về giá trị vốn đầu tư đăng ký thực hiện dự án (tăng hơn 1.000 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2025; điều chỉnh tăng vốn 07 dự án với vốn đăng ký tăng thêm hơn 1.253,17 tỷ đồng.

- **Tiến độ thực hiện một số KCN của Tỉnh:** (1) KCN Tân Phước 1, đã thực hiện chi trả đạt tỷ lệ 96% tổng số hộ dân, diện tích đất thu hồi đạt 95% tổng diện tích; (2) Khu công nghiệp Tân Phước 2, chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; (3) KCN Bình Đông: đến nay số hộ dân đã nhận tiền bồi thường đạt 56,59%, tỉnh tiếp tục đôn đốc Nhà đầu tư có kế hoạch đảm bảo đủ nguồn kinh phí để chi trả công tác giải phóng mặt bằng, địa phương đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng Khu

⁷ Kế hoạch năm 2026 là 3.000 doanh nghiệp.

tái định cư Bình Đông; (4) Khu công nghiệp Soài Rạp, đang thực hiện quy trình thẩm định hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật.

- **Công tác phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2026:** Trên cơ sở Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 về kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh; ngày 26/12/2025, UBND tỉnh đã phân bổ 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 cho các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường tại Quyết định số 3122/QĐ-UBND với tổng số vốn **11.375** tỷ đồng, tăng 6,5% so với số vốn Thủ tướng Chính phủ giao, tương ứng tăng 696 tỷ đồng từ nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh; bao gồm: NSĐP là 9.428 tỷ đồng và vốn NSTW là 1.946 tỷ đồng.

Kết quả giải ngân tính đến ngày 30/4/2026 ước đạt **1.009,6** tỷ đồng, đạt **8,9%** kế hoạch và đạt **9,5%** kế hoạch Thủ tướng giao; trong đó, giá trị giải ngân vốn NSĐP là 550 tỷ đồng, đạt 9% kế hoạch và đạt 9,7% kế hoạch Thủ tướng giao và vốn NSTW là 159,6 tỷ đồng, đạt 8,2% kế hoạch.

- **Thu hút đầu tư tư nhân:** Lũy kế từ đầu năm đến nay, tỉnh thu hút **05** dự án đầu tư mới, trong đó 02 dự án có vốn đầu tư nước ngoài; 03 dự án có vốn đầu tư trong nước; ghi nhận vốn đầu tư 01 dự án của nhà đầu tư trong nước (KCN Mỹ Tho), với tổng vốn đăng ký đạt 2.924,26 tỷ đồng; giảm về số lượng dự án (giảm 07 dự án) nhưng tăng về giá trị vốn đầu tư đăng ký thực hiện dự án (tăng hơn 1.000 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2025; điều chỉnh tăng vốn 07 dự án với vốn đăng ký tăng thêm hơn 1.253,17 tỷ đồng.

- **Về triển khai nhanh các Chương trình mục tiêu Quốc gia:** Ngay sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết về Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2035, tỉnh đã ban hành Quyết định về danh sách phân loại xã, bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; rà soát hiện trạng từng tiêu chí, xây dựng lộ trình thực hiện; đồng thời trình Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về lãnh đạo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững đến năm 2030 để tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo. UBND tỉnh dự kiến nguồn vốn Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 là **2.785 tỷ đồng**. Sau khi có hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương, tỉnh sẽ chỉ đạo rà soát, hoàn thiện và trình HĐND tỉnh ban hành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 chính thức nhằm đảm bảo phù hợp theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương.

- **Về khoáng sản:** Tỉnh đang cung ứng cho **8** cao tốc của trung ương, với tổng số khối lượng cần cung cấp ban đầu khoảng **26** triệu m³. Hiện nay một số nhà thầu giảm nhu cầu do chủ động được các nguồn cát khác nên tổng nhu cầu còn lại khoảng **18** triệu m³; tổng số có **32** mỏ tỉnh đã cấp phép khai thác cho cao tốc thời gian qua, đã cung ứng 14,15 triệu m³. Các mỏ giao tỉnh Đồng Tháp (cũ) đã hoàn thành chỉ tiêu hiện tại chỉ còn 04 mỏ phục vụ cao tốc Mỹ An - Cao Lãnh; Các mỏ giao tỉnh Tiền Giang (cũ) đang thác rất chậm do Nhà thầu khai thác chậm,

công trình không đến nhận và mở có nhiều tạp chất (bùn) nên mất thời gian xử lý.

- **Về du lịch:** Tính từ đầu năm đến nay, tổng lượt khách du lịch tại Đồng Tháp đạt **3,27 triệu** lượt khách, đạt **41%** kế hoạch, tăng 32% so với cùng kỳ; trong đó có 227.369 lượt khách quốc tế, đạt 30% kế hoạch, giảm 6% so với cùng kỳ. Tổng thu du lịch đạt **1.639,5** tỷ đồng, đạt 34% kế hoạch, tăng 17% so với cùng kỳ.

- **Về khoa học và công nghệ:** Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ được tăng cường, công tác tuyển chọn, xét duyệt, thẩm định, đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo quy định, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh⁸. Hoạt động đổi mới sáng tạo có chuyển biến rõ nét; công tác phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ được quan tâm, đến nay, trên địa bàn tỉnh có **30** doanh nghiệp khoa học và công nghệ và **24** doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Công tác khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo được quan tâm triển khai góp phần thúc đẩy hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Tỉnh đưa vào vận hành thí điểm Không gian làm việc chung Hỗ trợ Doanh nghiệp và Khởi nghiệp, triển khai các chương trình, hoạt động kết nối cộng đồng khởi nghiệp trong và ngoài tỉnh, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp trong tỉnh. Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh kết nối thông suốt với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia, đáp ứng mô hình Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa sổ” tập trung, duy nhất. Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được đưa vào triển khai, Cổng dữ liệu mở của tỉnh thường xuyên được cập nhật phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh, đồng thời để người dân, doanh nghiệp khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- **Về các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường** được chú trọng thực hiện, đạt kết quả tốt. Các chính sách an sinh xã hội, chăm lo người có công và các đối tượng chính sách được quan tâm thực hiện, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên. Toàn Tỉnh hiện có 9.562 giường bệnh đạt **28,1** giường bệnh/vạn dân, ước cuối năm 2026 vượt 28,6 giường bệnh; đồng thời, có 3.103 bác sĩ đạt **9,13** bác sĩ/vạn dân ước đạt kế hoạch năm 2026 (9,2 bác sĩ/vạn dân).

- **Tình hình sạt lở:** Trong 4 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra **04** vụ sạt lở trên địa bàn các xã: Phú Hựu, Tân Hộ Cơ, Bình Phú và Mỹ Thành. Ngay sau khi xảy ra, địa phương đã khẩn trương huy động lực lượng xử lý bước đầu, tổ chức cảnh báo, khoanh vùng nguy hiểm, di dời người dân đến nơi an toàn, đồng thời tăng cường theo dõi, kiểm tra hiện trạng, triển khai các giải pháp ứng phó trước mắt và chủ động xây dựng phương án xử lý lâu dài.

- Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn được bảo đảm ổn định.

⁸ Từ đầu năm đến nay, phê duyệt 04 nhiệm vụ cấp tỉnh; Thẩm định kinh phí 01 nhiệm vụ cấp tỉnh; Tổ chức kiểm tra, đánh giá 05 nhiệm vụ cấp tỉnh, 01 nhiệm vụ cấp cơ sở. Hợp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu 05 nhiệm vụ cấp tỉnh, 02 nhiệm vụ cấp cơ sở. Điều chỉnh thay đổi thông tin 05 nhiệm vụ cấp tỉnh; 02 nhiệm vụ cấp cơ sở. Thông báo tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2025 - 2026: 30 nhiệm vụ. Mời, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ hồ sơ tham gia đăng ký tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai năm 2025 - 2026: 25 nhiệm vụ.

3. Tình hình triển khai “bộ tứ trụ cột” phát triển kinh tế - xã hội

- Triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 14/03/2026 thực hiện thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026.

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 13/01/2026 thực hiện hoạt động Hội nhập quốc tế năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp nhằm thực hiện Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 19/10/2017; Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023; Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 11/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 07/02/2026 về việc triển khai thực hiện Chương trình số 10-CTr/TU ngày 14/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và Kế hoạch số 35-KH/ĐU ngày 03/02/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh.

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 28/01/2026 nhằm quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 198/2025/QH15, Nghị quyết số 138/NQ-CP, Nghị quyết số 139/NQ-CP; Kế hoạch số 12-KH/TU.

4. Tình hình sắp xếp lại bộ máy, đơn vị hành chính, cải cách hành chính

- **Công tác sắp xếp lại bộ máy:** UBND tỉnh thường xuyên theo dõi, đôn đốc thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (*Báo cáo số 50-BC/TU ngày 18/11/2025*) và Kế hoạch số 754/KH-UBND ngày 20/12/2025 về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- **Công tác quản lý tài sản công:** UBND tỉnh đã ban hành và đang triển khai Kế hoạch số 525/KH-UBND ngày 12/11/2025 về thực hiện xử lý đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích trên địa bàn tỉnh; tăng cường chỉ đạo tại Công văn số 169/UBND-ĐTQH ngày 17/01/2026 về tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương và nhiều văn bản chỉ đạo liên quan đến xử lý trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính bảo đảm đúng tiến độ, đúng quy định, đạt hiệu quả, tránh bỏ trống, không sử dụng, gây thất thoát, lãng phí.

- Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy

định về tinh giản biên chế, tỉnh đã giải quyết chế độ, chính sách nâng bậc lương thường xuyên và trước thời hạn (47 trường hợp), xếp ngạch tương ứng VTVL (41 trường hợp); kế hoạch tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; xếp lương cho lực lượng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã (hơn 300 trường hợp). Kịp thời phê duyệt danh sách và giải quyết chế độ, chính sách, vướng mắc theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP⁹, Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP và Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, đồng thời trả lời nhiều đơn thư kiến nghị của công dân liên quan đến các chính sách này.

- **Công tác cải cách hành chính:** UBND tỉnh đã ban hành, triển khai Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 14/01/2026 về cải cách hành chính năm 2026 và Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 16/3/2026 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2026; đồng thời tổ chức đo lường sự hài lòng của người dân (SIPAS 2025). Toàn tỉnh đã cập nhật 2.001 thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu (gồm 281 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 453 dịch vụ công trực tuyến một phần, 1.267 thủ tục tiếp nhận trực tiếp) và công khai 2.018 thủ tục trên Cơ sở dữ liệu quốc gia (1.603 cấp tỉnh, 415 cấp xã). Đã hoàn thành 1.085/1.085 dịch vụ công trực tuyến toàn trình (1.008 dịch vụ trên hệ thống tỉnh, 77 thủ tục trên hệ thống Bộ); tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 98,13%, tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 96,19%. Đồng thời, cung cấp 1.919 thủ tục hành chính thực hiện phi địa giới (đạt 94,2%), góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

5. Điều chỉnh quy hoạch tỉnh

Căn cứ Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ về xử lý khó khăn, vướng mắc trong điều chỉnh quy hoạch khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 24/9/2025, giao Sở Tài chính chủ trì lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Để triển khai thực hiện, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 416/KH-UBND ngày 27/10/2025 và Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 26/02/2026 về tiến độ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; đồng thời ban hành Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 phê duyệt nội dung điều chỉnh và Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện.

Đến nay, dự thảo Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh cơ bản hoàn thành; UBND tỉnh đã tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các sở, ngành, địa phương, Ban Chỉ đạo, Tổ Công tác; đồng thời lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh liên kề và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Tỉnh cũng đã tổ chức Hội thảo khoa học và thành lập Hội đồng thẩm định để hoàn thiện hồ sơ. Dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua vào cuối tháng 4/2026 và tổ chức công bố sau khi được phê duyệt.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

- **Về cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện:** Tỉnh đã chủ động triển

⁹ Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt 51 trường hợp công chức, viên chức (08 công chức, 43 viên chức; 32 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, 19 trường hợp nghỉ thôi việc ngay).

khai các nhiệm vụ theo quy định hiện hành; tuy nhiên, một số nội dung quan trọng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, tiêu chí nông thôn mới và mô hình chính quyền 2 cấp đang chờ hướng dẫn đầy đủ, thống nhất của Trung ương để bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả.

- **Về nguồn lực đầu tư:** Tỉnh đã tích cực cân đối, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tuy nhiên, nhu cầu đầu tư cho các công trình trọng điểm, hạ tầng, phòng chống sạt lở và chuyển đổi số còn rất lớn. Bên cạnh đó, biến động giá nguyên vật liệu xây dựng tiếp tục tác động đến tiến độ và chi phí thực hiện các dự án.

- **Về đất đai và giải phóng mặt bằng:** Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được tập trung chỉ đạo; tuy nhiên, quá trình thực hiện còn gặp một số khó khăn về cơ chế xác định giá đất và thủ tục liên quan. Đồng thời, việc đo đạc, đăng ký đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cần tiếp tục được hoàn thiện về nguồn lực và hướng dẫn để đẩy nhanh tiến độ.

- **Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:** Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, địa phương đã từng bước ổn định hoạt động; tuy nhiên, một số nội dung về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp cần tiếp tục được hướng dẫn cụ thể hơn. Nguồn nhân lực ở cơ sở đang được củng cố, nhưng vẫn cần được tăng cường về số lượng và chất lượng, nhất là trong các lĩnh vực chuyên môn sâu và chuyển đổi số.

- **Về hạ tầng và liên kết vùng:** Tỉnh đã quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng; tuy nhiên, hệ thống giao thông, logistics và hạ tầng số cần tiếp tục được hoàn thiện đồng bộ để nâng cao năng lực thu hút đầu tư. Liên kết vùng đang được thúc đẩy, song cần có cơ chế điều phối và nguồn lực phù hợp để phát huy hiệu quả cao hơn.

- **Về chuyển đổi số và dữ liệu:** Địa phương đang tích cực triển khai chuyển đổi số; tuy nhiên, hệ thống nền tảng dùng chung và cơ sở dữ liệu còn cần tiếp tục hoàn thiện, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu. Nguồn lực cho số hóa, lưu trữ và vận hành hệ thống cần được bổ sung để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- **Về biến đổi khí hậu, sạt lở:** Tỉnh đã chủ động triển khai các giải pháp ứng phó; tuy nhiên, tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển còn diễn biến phức tạp, đòi hỏi nguồn lực lớn và giải pháp tổng thể, lâu dài để xử lý hiệu quả.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm, đột phá đạt mục tiêu tăng trưởng năm 2026 và những năm tiếp theo

Trên cơ sở kết quả tăng trưởng Quý I/2026 đạt 6,14%, UBND tỉnh rà soát, cập nhật kịch bản tăng trưởng cho các quý còn lại nhằm quyết tâm đạt mục tiêu cả năm từ 8% - 8,5%. Cụ thể:

- Mục tiêu Quý II/2026: Giá trị GRDP đạt tối thiểu **59.123** tỷ đồng theo giá so sánh 2020, tăng trưởng đạt trên **8,04%** so với cùng kỳ.

- Mục tiêu 6 tháng đầu năm 2026: Giá trị GRDP đạt tối thiểu **122.024** tỷ đồng theo giá so sánh năm 2020, tăng **7,05%** so với cùng kỳ.

- Mục tiêu Quý III/2026: Giá trị GRDP đạt tối thiểu từ **70.172 - 70.491** tỷ

đồng theo giá so sánh năm 2020, tăng **8,7% - 9,2%** so với cùng kỳ.

- Mục tiêu 9 tháng đầu năm 2026: Giá trị GRDP đạt tối thiểu từ **192.197 - 192.954** tỷ đồng theo giá so sánh năm 2020, tăng **7,6% - 8,1%** so với cùng kỳ.

- Mục tiêu Quý IV năm 2026: Giá trị GRDP đạt tối thiểu từ **69.978 - 70.451** tỷ đồng theo giá so sánh năm 2020, tăng **8,8% - 9,5%** so với cùng kỳ.

2. Giải pháp trọng tâm trong thời gian tới

2.1. Tập trung triển khai thực hiện Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Đồng Tháp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 20/01/2026 thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và các nhiệm vụ năm 2026 theo đúng phương châm điều hành của Chính phủ năm 2026: “Kỷ cương trách nhiệm; chủ động hiệu quả; đổi mới sáng tạo; tăng tốc bút phá; tăng trưởng bền vững”. Trong đó, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 đối với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường, dự kiến thời gian thực hiện trong tháng 4-5/2026.

2.2. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh toàn diện trên các lĩnh vực, tập trung khắc phục các điểm yếu. Thường xuyên đối thoại, trao đổi, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, dự án đầu tư để sớm đi vào hoạt động, cùng với nâng cao công suất các dự án đang hoạt động; theo dõi sát tình hình, diễn biến thị trường, chính sách xuất nhập khẩu của các nước để kịp thời thông tin cho doanh nghiệp. Nắm bắt cơ hội hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh sang các thị trường mà Việt Nam ký hiệp định thương mại; hỗ trợ hộ kinh doanh, doanh nghiệp, HTX kết nối tiêu thụ, nâng cao năng lực ứng dụng thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới quy trình sản xuất.

2.3. Tăng cường theo dõi, nắm bắt sát diễn biến thị trường; chủ động xây dựng và triển khai phương án dự trữ, điều tiết nguồn cung các mặt hàng thiết yếu và các mặt hàng có nhu cầu tiêu dùng cao, bảo đảm chất lượng, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của người dân. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm, bảo đảm an toàn sức khỏe người dân.

2.4. Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô hạn và dịch bệnh phát sinh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản; chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả. Theo dõi sát kế hoạch sản xuất vụ lúa, hoa màu Đông Xuân 2025 - 2026, bảo đảm đúng tiến độ và năng suất đề ra. Khuyến khích chuyển đổi cơ cấu nội ngành nông nghiệp, hình thành các vùng nguyên liệu nuôi trồng quy mô lớn, có truy xuất nguồn gốc, đáp ứng nhu cầu thị trường và cung cấp nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến. Đồng thời, tiếp tục nắm bắt, tháo gỡ khó khăn cho các HTX, THT, nâng cao chất lượng hoạt động kinh tế tập thể.

2.5. Triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, vốn ODA ngay từ các tháng đầu năm 2026. Thường xuyên đi thực địa để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án, công trình đang triển khai thi công. Theo dõi sát nhu cầu và có kế hoạch cung ứng cát kịp thời, hợp lý cho các công trình, nhất là các dự án giao thông trọng điểm, hạn chế tình trạng thiếu cát cục bộ ảnh hưởng đến tiến độ các dự án. Tập trung theo dõi tiến độ và đôn đốc các nhà đầu tư triển khai các dự án đầu tư hạ tầng CCN chuyển tiếp từ năm 2025 sang (Thanh Tân; Mỹ Phước Tây; Quảng Khánh (giai đoạn 2); An Hoà; Định An).

2.6. Thực hiện tuyên truyền cổ động trực quan các ngày lễ lớn, sự kiện, nhiệm vụ chính trị quan trọng của đất nước, địa phương trong tháng 03/2026 (đẩy mạnh tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I (nhiệm kỳ 2025 - 2030). Đẩy mạnh bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, giàu bản sắc. Tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 51 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2026).

2.7. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả đào tạo ở các ngành học, cấp học thông qua việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và đẩy mạnh việc tiêu chuẩn hóa và hiện đại hóa các điều kiện dạy và học. Mở rộng quy mô phát triển giáo dục mầm non, nâng cao kết quả thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở. Phân đầu đạt tỷ lệ huy động học sinh ra lớp và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

2.8. Tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ, đào tạo nghề, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia giáo dục nghề nghiệp; tăng cường kết nối với doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo nghề và giới thiệu việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tiếp tục tăng cường công tác thu thập, nắm bắt nhu cầu doanh nghiệp, tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm; tăng cường tuyên truyền cho vay giải quyết việc làm, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi người có công theo quy định; đẩy mạnh chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt đối với người có công, phân đầu đạt tỷ lệ 100% đến hết Quý II năm 2026.

2.9. Không chủ quan lơ là trong công tác phòng, chống dịch bệnh, không để bị động bất ngờ trước mọi tình huống; đảm bảo đầy đủ thuốc, hóa chất, vật tư, trang thiết bị y tế... phục vụ tốt cho người dân trong các cơ sở y tế. Tăng cường công tác tuyên truyền về bình đẳng giới và tiếp tục tăng cường công tác kiểm dịch y tế trên địa bàn tỉnh. Ban hành Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm “Tháng hành động” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026”.

2.10. Tiếp tục tăng cường công tác tự kiểm tra, phát hiện tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong nội bộ; nắm tình hình và giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp, nổi lên về quốc phòng, an ninh; tập trung kéo giảm tội phạm về ma túy, vi phạm pháp luật về môi trường. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; nắm chắc tình hình an ninh trật tự, khiếu nại, tố cáo

giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng quy định các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ mới phát sinh, không để trở thành điểm nóng.

2.11. Tiếp tục theo dõi tình hình hoạt động của chính quyền cấp xã để kịp thời ghi nhận các khó khăn, vướng mắc, những vấn đề mới phát sinh trong quá trình vận hành (nếu có), kịp thời có biện pháp, giải pháp khắc phục, nhất là trong việc phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật đối với các ngành, lĩnh vực gắn với sắp xếp lại bộ máy, đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2.12. Nắm chắc tình hình, triển khai đồng bộ các chủ trương, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nhất là các lễ hội; tăng cường tuần tra, kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng ngừa cháy nổ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Tiếp tục quán triệt, nghiêm túc triển khai thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác phòng ngừa, tấn công, trấn áp tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, kinh tế, tham nhũng, môi trường, ma túy. Tăng cường công tác đối ngoại, chú trọng bảo đảm an ninh khu vực biên giới.

IV. KIẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tỉnh đang quyết liệt triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số theo định hướng của Trung ương và Tỉnh ủy, việc tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách và nguồn lực có ý nghĩa then chốt, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh kính đề xuất, kiến nghị Trung ương quan tâm xem xét, hỗ trợ 8 nội dung kiến nghị sau:

1. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

1.1. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quan tâm, chỉ đạo Bộ, ngành Trung ương sớm ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 theo lĩnh vực được phân công (khoản a, Điều 3, Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025), bảo đảm thống nhất về nội dung, phương pháp xác định và đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí, làm cơ sở để địa phương xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí cấp tỉnh.

1.2. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quan tâm, kiến nghị Ban Tổ chức Trung ương sớm giao biên chế chính thức giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026 để các địa phương có căn cứ kiện toàn tổ chức bộ máy, sớm ổn định hoạt động và đảm bảo phát huy hiệu quả của chính quyền địa phương 2 cấp; đồng thời, chỉ đạo Bộ Nội vụ sớm hướng dẫn về kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó làm rõ mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp và phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị, bảo đảm thống nhất trong triển khai thực hiện.

1.3. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quan tâm, chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm ban hành hướng dẫn cụ thể về cơ chế lựa chọn đơn vị thực hiện (chỉ định thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ) đối với các đơn vị tư vấn có đủ năng lực, nhằm tháo gỡ khó khăn về thủ tục, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực

hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Bộ Công an về việc tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và Thông báo số 565/TB-VPCP ngày 21/10/2025 của Văn phòng Chính phủ.

1.4. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, tạo cơ sở để địa phương tổ chức đánh giá, thẩm định và công nhận theo quy định và hướng dẫn về chuẩn nghèo đa chiều và quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2027 - 2030, đồng thời thống nhất hệ thống biểu mẫu báo cáo để địa phương tổ chức thực hiện và tổng hợp số liệu phục vụ đánh giá các tiêu chí liên quan.

2. Về hỗ trợ nguồn lực và cơ chế tài chính

2.1. Trước tình hình tăng giá của một số nguyên vật liệu chủ yếu đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác triển khai thi công các dự án trọng điểm, liên kết vùng và các dự án khác; **kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ** có chủ trương tháo gỡ các khó khăn về giá nguyên vật liệu tăng cao để tỉnh có cơ sở cập nhật lại tổng mức đầu tư, các gói thầu đang triển khai thi công.

2.2. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ từ ngân sách Trung ương tổng kinh phí khoảng 535 tỷ đồng (làm tròn từ 534.612.786.182 đồng) để địa phương có điều kiện triển khai dứt điểm 05 dự án trọng điểm về đo đạc, 2 đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại các xã, phường theo danh mục đã được xây dựng.

2.3. Kiến nghị Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ xem xét **tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền** xem xét hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương với tổng số tiền là 574.488.670.792 đồng (*trong đó, cụ thể: năm 2025 là 203.290.205.280 đồng; năm 2026 là 371.198.465.512 đồng*) để hoàn thành công tác số hóa, lưu trữ hồ sơ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (UBND tỉnh đã có văn bản kiến nghị, gửi đến Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ tại Công văn số 1.700/UBND-KT ngày 10 tháng 11 năm 2025).

3. Về đầu tư hạ tầng, liên kết vùng

Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ ngân sách trung ương để triển khai thực hiện dự án 03 dự án kè bảo vệ khu vực sạt lở nguy hiểm, cấp bách, cần thiết phải triển khai ngay với tổng vốn đầu tư khoảng 2.538 tỷ đồng (trong đó: ngân sách Trung ương là 1998,8 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 539,2 tỷ đồng)¹⁰, cụ thể như sau:

(1) Dự án Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiên khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiên, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp, chiều dài 1.100m, kinh phí khoảng 247 tỷ đồng (Trong đó: ngân sách Trung ương là 50 tỷ đồng, ngân sách

¹⁰ Tỉnh đã kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ nguồn kinh phí theo Tờ trình số 322/TTr-UBND ngày 22/3/2026, Công văn số 1905/UBND-ĐTQH ngày 25/11/2025 và Công văn số 1854/UBND-ĐTQH ngày 18/11/2025.

tính là 197 tỷ đồng).


(2) Dự án khắc phục khẩn cấp sạt lở bờ sông Tiền tại đường Nguyễn Hương (khóm Tân Tịch và khóm Tịnh Hưng), phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, chiều dài 520m, kinh phí khoảng 147 tỷ đồng (Trong đó: ngân sách Trung ương là 50 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 97 tỷ đồng).

(3) Dự án khắc phục khẩn cấp xói lở bờ biển Gò Công (đoạn từ cầu Rạch Bùn đến Đền Đò), chiều dài 6.817m, kinh phí khoảng 336 tỷ đồng (Trong đó: vốn ngân sách Trung ương là 281 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 55 tỷ đồng).

(4) Dự án Xử lý sạt lở đê ven sông Tiền tại xã An Hữu, tỉnh Đồng Tháp với tổng chiều dài tuyến 1.100 m (bắt đầu từ vị trí bến phà cũ về hướng về phía thượng lưu), tổng mức đầu tư dự kiến 252 tỷ đồng (Vốn ngân sách Trung ương là 226,8 tỷ đồng và vốn địa phương là 25,2 tỷ đồng).

(5) Dự án xử lý sạt lở cù lao Tân Long, xã Tân Long, tỉnh Đồng Tháp với tổng chiều dài tuyến 4,8km (nhánh phải 1,4km, nhánh trái 3,4km), tổng mức đầu tư dự kiến 576 tỷ đồng (Vốn ngân sách Trung ương là 491 tỷ đồng và vốn địa phương là 85 tỷ đồng).

(6) Dự án Chuyển nước ngọt qua kênh Chợ Gạo cấp nước cho vùng ngọt hóa Gò Công, Tổng mức đầu tư dự kiến 980 tỷ đồng (Vốn Trung ương là 900 tỷ đồng; vốn địa phương là 80 tỷ đồng).

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phục vụ chương trình làm việc của Thủ tướng Chính phủ. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng, ban, TTPVHCC;
- Lưu VT, P.TH_(nmthu).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng